

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN NGỌC GIANG

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ
CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH
BẢO HIỂM NHÂN THỌ**

Ngành: Luật Kinh tế.

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu	3
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn.....	4
7. Kết cấu của Luận văn.....	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ	5
1.1. Khái quát về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	5
1.1.1. Khái niệm bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	5
1.1.2. Đặc điểm của bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	5
1.1.3. Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư	5
1.1.3.1. Bảo hiểm liên kết chung (Universal life insurance).....	5
1.1.3.2. Bảo hiểm liên kết đơn vị (Unit-linked life insurance)	6
1.2. Khái quát pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	6
1.2.2. Đặc điểm pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	6
1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.....	7

1.2.4. Vai trò của pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ 7

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ..... 8

Kết luận chương 1 9

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ Ở VIỆT NAM..... 10

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ..... 10

2.1.1. Quy định của pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ 10

2.1.1.1. Trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm..... 10

2.1.1.2. Trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của bên mua bảo hiểm..... 11

2.1.2. Quy định của pháp luật về phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ 11

2.1.3. Quy định của pháp luật về đại lý bảo hiểm tư vấn hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ..... 12

2.1.4. Quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ..... 12

2.1.5. Quy định của pháp luật về vai trò của ngân hàng trong việc thực hiện giám sát hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ 13

2.1.6. Quy định của pháp luật về vai trò của công ty quản lý quỹ thực hiện quản lý quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ .. 13

2.1.7. Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.....	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	16
2.2.1. Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	16
2.2.1.1. Những kết quả đạt được	16
2.2.1.2. Những hạn chế	16
2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc, bất cập pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	16
2.2.2.1. Do ý thức bên bán bảo hiểm	17
Kết luận chương 2	18
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.....	19
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	19
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.....	19
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	20
Kết luận chương 3	21
KẾT LUẬN	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Khi tham gia bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, người tham gia bảo hiểm sẽ vừa được bảo vệ tài chính trước các rủi ro, vừa có cơ hội gia tăng tài sản tích lũy qua hoạt động đầu tư tại các quỹ liên kết. Do vậy, mà thời gian chính thức đi vào hoạt động chưa lâu, nhưng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ khẳng định vị trí quan trọng đối với sự phát triển của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

Đặc biệt sau ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sự đi xuống của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp càng nhìn thấy những lợi ích mà bảo hiểm liên kết đầu tư mang lại cho doanh nghiệp. Vì vậy, số lượng hợp đồng, số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm khai thác mới của nhóm sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trên thị trường Việt Nam đều đạt được sự tăng trưởng trong nhiều năm gần đây. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân về số tiền bảo hiểm khai thác mới và phí bảo hiểm khai thác mới của bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp lần lượt đạt 40.06% và 45.52%. Vừa được bảo hiểm vừa có thể thực hiện mục tiêu đầu tư, người tham gia bảo hiểm liên kết đầu tư sẽ được chủ động lựa chọn các quỹ đầu tư và phân bổ phần phi bảo hiểm dành cho đầu tư tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro của mình. Với một số phí bảo hiểm nhỏ, được hưởng dịch vụ đầu tư chuyên nghiệp của công ty quản lý quỹ, bên mua bảo hiểm có thể đầu tư vào nhiều danh mục đầu tư khác nhau, qua đó thực hiện phân tán rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận. Điều này không thể thực hiện được nếu không tham gia mua bảo hiểm tự mình thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, một số sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống nghiêng về tính chất tiết kiệm sẽ dần nhường chỗ cho các sản phẩm mang yếu tố đầu tư, có tính linh hoạt cao, trong đó bảo hiểm liên kết đầu tư được xem như một loại hình bảo hiểm hoàn hảo đối với các tiêu chí này, khi một mặt có thể đáp ứng nhu cầu bảo vệ, một mặt có thể đáp ứng được nhu cầu đầu tư cho khách hàng. Tuy nhiên, pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đang phát sinh một số bất cập, hạn chế nhất định. Vì vậy, học viên thấy rằng cần nghiên cứu, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến các vướng mắc bất cập đó để đề xuất các

giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của của loại hình hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp là rất cần thiết. Vì những lý do nêu trên, nên tác giả đã chọn đề tài **“Pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ”** để làm Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài

Việc nghiên cứu cho thấy cho tới thời điểm này chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chỉ có một số ít công trình nghiên cứu có liên quan. Tuy nhiên, nhìn chung nội dung các công trình này chỉ ở mức độ giới thiệu khái quát về bảo hiểm liên kết đầu tư hoặc đề cập đến một hoạt động nhỏ mà các các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thực hiện là hoạt động phân phối sản phẩm bảo hiểm. Vì vậy, yêu cầu có một nghiên cứu chuyên sâu hơn về quy định pháp luật liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư là một yêu cầu cấp thiết nhằm làm sáng tỏ những quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng đối với nghiệp vụ bảo hiểm này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài phải thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Thứ nhất, phân tích để làm sáng rõ những vấn đề lý luận pháp luật về pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ như: Khái niệm, đặc điểm và vai trò pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Thứ ba, đề xuất các định hướng, các giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Mặc dù Luật KDBH năm 2022 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ chủ yếu được điều chỉnh bởi hai thông tư là: Thông tư 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và Thông tư 52/2016/TT-BTC ngày ban hành, ngày 21 tháng năm 2016, hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, nên nội dung nghiên cứu về bảo hiểm liên kết đầu tư không thay đổi nhiều và những văn bản này vẫn có giá trị áp dụng.

- Phạm vi về không gian: Việt Nam

- Phạm vi về thời gian: 2016 đến 2022

5. Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong quá trình hoàn thiện luận văn.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh đó để đạt mục tiêu nghiên cứu đặt ra, Luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học khác, cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch được sử dụng xuyên suốt trong tất cả các chương của luận văn và tập trung vào chương 1,2 khi phân tích về những vấn đề lý luận, thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

- Phương pháp so sánh được sử dụng khi đánh giá về các quy định của pháp luật một số các quốc gia hoặc pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

- Phương pháp thống kê được sử dụng khi thể hiện các số liệu tại chương 2 về thực tiễn thi hành pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Ngoài ra, Luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như phân tích quy phạm pháp luật thực định, phương pháp dự báo pháp luật để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra trong Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Thứ nhất, về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của Luận văn là tài liệu hữu ích giúp các nhà làm luật có những tham khảo để tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Thứ hai, về mặt thực tiễn: Các giải pháp nhằm góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Mặt khác, kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo và học tập bổ ích giúp sinh viên Luật và các độc giả quan tâm có những nhìn nhận, đánh giá, kế thừa trong quá trình học tập và nghiên cứu các vấn đề liên quan pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

7. Kết cấu của Luận văn

Kết cấu của Luận văn được xây dựng phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu. Cụ thể, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung gồm có ba chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Chương 3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1.1. Khái quát về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

1.1.1. Khái niệm bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Khái niệm BHLKĐT của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thể hiểu như sau: BHLKĐT của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm là nghiệp vụ bảo hiểm theo đó bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư trong hợp đồng bảo hiểm.

1.1.2. Đặc điểm của bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

BHLKĐT là một loại hình nghiệp vụ của BHNT, do đó bên cạnh mang các đặc điểm của cơ bản của BHNT, BHLKĐT cũng có những đặc điểm riêng biệt như sau:

- * Cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm được tách bạch giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư

- * Tính thông tin được công khai, minh bạch cao

- * Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng các khoản phí do bên mua bảo hiểm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm

1.1.3. Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư

BHLKĐT là một trong bảy nghiệp vụ BHNT. Để cụ thể hóa, quy định pháp luật Việt Nam hiện hành cũng đã có sự phân chia BHLKĐT bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung theo thông lệ phổ biến trên thế giới.

1.1.3.1. Bảo hiểm liên kết chung (Universal life insurance)

Bảo hiểm liên kết chung là loại hình BHNT có giá trị tích lũy bao gồm các đặc điểm linh hoạt về phí bảo hiểm, linh hoạt về số tiền bảo hiểm và linh hoạt về số tiền quyền lợi tử vong. Bảo hiểm này có ba yếu tố cơ bản tách biệt trong HDBH gồm: phí bảo hiểm cho rủi ro tử vong; tiền lãi mà DNBH sẽ trả khi vay từ giá trị tích lũy; các

khoản phí, các loại phí DNBH sẽ áp dụng. Bên cạnh đó, bảo hiểm liên kết chung là sản phẩm theo đó DNBH và BMBH thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư.

1.1.3.2. Bảo hiểm liên kết đơn vị (Unit-linked life insurance)

Bảo hiểm liên kết đơn vị là sản phẩm bảo hiểm nhân thân kết hợp quyền lợi bảo hiểm rủi ro và đầu tư sinh lời bằng cách tham gia vào Quỹ liên kết đơn vị. Đây là quỹ do công ty bảo hiểm thành lập dựa trên nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị. Trong đó, người tham gia được lựa chọn đầu tư vào một hoặc nhiều Quỹ liên kết đơn vị của doanh nghiệp bảo hiểm, được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư cũng như chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn. Đến nay, sản phẩm BHLKĐT trên thị trường thế giới đã phát triển rất đa dạng với nhiều tên gọi khác nhau, ví dụ như:

- BHNT liên kết đơn vị (Unit-linked life insurance)
- BHNT biến đổi (Variable life insurance)

1.2. Khái quát pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

1.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Khái niệm pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có thể hiểu như sau: Pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước thừa nhận hoặc ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư trong hợp đồng bảo hiểm giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

1.2.2. Đặc điểm pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

- Hệ thống pháp luật điều chỉnh về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ do nhiều văn bản quy phạm pháp luật hợp thành
- Pháp luật về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ hướng tới việc đảm bảo quyền lợi cho BMBH một cách mềm dẻo và linh động

1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Trong phạm vi luận văn này, pháp luật về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ sẽ được nghiên cứu với những nội dung cơ bản sau:

- Quy định của pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.

- Quy định của pháp luật về phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

- Quy định của pháp luật về đại lý bảo hiểm tư vấn hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

- Quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

- Quy định của pháp luật về vai trò của ngân hàng trong việc thực hiện giám sát hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

- Quy định của pháp luật về vai trò của công ty quản lý quỹ thực hiện quản lý quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

1.2.4. Vai trò của pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

**** Bảo vệ người tham gia bảo hiểm***

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm của DNBH nói chung và BHLKĐT nói riêng là việc thu phí diễn ra trước, hoạt động bồi thường diễn ra sau. Điều này đặt ra cho BMBH một rủi ro mới là, vào thời điểm đó DNBH có thể thực hiện hoạt động chi trả cho rủi ro đó hay không. Do vậy, pháp luật cần phải kiểm soát hoạt động đầu tư của DNBH. Yêu cầu các DNBH phải kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn của mình, luôn đảm bảo khả năng cam kết cho trả cho BMBH khi xảy ra tổn thất, rủi ro.

**** Tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nghiệp vụ BHLKĐT***

Sự biến động trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói chung và BHLKĐT nói riêng của các DNBH sẽ ít nhiều tác động tiêu cực đến cả nền kinh tế cũng như xã hội. Do vậy, cần phải có sự điều chỉnh của pháp luật để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển ổn định nghiệp vụ BHLKĐT, góp phần “củng cố các biện pháp thận

trọng nhằm bảo vệ người mua bảo hiểm, bảo đảm an toàn và sự toàn vẹn của hệ thống tài chính nói chung, thị trường bảo hiểm nói riêng”.

** Kiểm soát sự tập trung vốn trên thị trường*

Với quy mô vốn lớn, các DN bảo hiểm nhân thọ có thể sử dụng ưu thế về tài chính để thao túng thị trường, kiểm soát hoạt động của các tổ chức tài chính khác. Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư tài chính của DN bảo hiểm nhân thọ nhằm đảm bảo hoạt động của thị trường tài chính trước ảnh hưởng của các DNBH, tránh sự tập trung vốn trên thị trường tài chính.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

** Định hướng của Nhà nước đối với sự phát triển của thị trường bảo hiểm liên kết đầu tư*

Tùy theo mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ khác nhau để Nhà nước ta đề ra những định hướng khác nhau trong việc phát triển thị trường bảo hiểm nói chung và bảo hiểm nhân thọ nói riêng (trong đó có BHLKĐT).

** Yếu tố pháp luật*

Pháp luật cũng là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

** Khả năng chấp hành pháp luật*

Khả năng chấp hành pháp luật của các chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật BHLKĐT là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả pháp luật trên thực tế. Khả năng chấp hành pháp luật của các chủ thể được thể hiện thông qua nhận thức và ý thức của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật BHLKĐT. Nếu các chủ thể có nhận thức đúng sẽ vận dụng các quy định pháp luật đúng với vai trò và ý nghĩa của chúng thì sẽ góp phần phát huy hiệu quả pháp luật và ngược lại.

** Khả năng giám sát của cơ quan quản lý nhà nước*

Nếu hệ thống giám sát được tổ chức tốt với những tiêu chí giám sát rõ ràng và phù hợp, khả năng giám sát hoạt động của DNBH sẽ được thực hiện tốt, hạn chế được tình trạng gian lận và bảo vệ hiệu quả người tham gia bảo hiểm. Ngược lại, nếu hoạt động giám sát của cơ quan quản lý nhà nước không được tổ chức tốt thì sẽ khó phát hiện ra các sai phạm, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả điều chỉnh pháp luật trên thực tế.

** Khả năng áp dụng pháp luật của cơ quan tài phán*

Hầu hết các tranh chấp hợp đồng BHNT nói chung và BHLKĐT nói riêng đều được thực hiện tại Tòa án, nên khả năng xét xử của Tòa án được xem là một trong những yếu tố quan trọng đối với việc đảm bảo thực hiện pháp luật.

Kết luận chương 1

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có thể rút ra những kết luận sau:

(i) Dưới góc độ khoa học pháp lý có thể hiểu khái niệm pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ như sau: Pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước thừa nhận hoặc ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh thỏa thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư trong hợp đồng bảo hiểm giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

(ii) Nghiệp vụ BHLKĐT bao gồm hai loại bảo hiểm là: Bảo hiểm liên kết chung (Universal life insurance) Bảo hiểm liên kết đơn vị (Unit-linked life insurance).

(iii) Pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ mang các đặc điểm sau: Pháp luật điều chỉnh về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ do nhiều văn bản quy phạm pháp luật hợp thành; Pháp luật về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ hướng tới việc đảm bảo quyền lợi cho BMBH một cách mềm dẻo và linh động.

(iv) Pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có vai trò: Bảo vệ người tham gia bảo hiểm; Tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nghiệp vụ BHLKĐT và kiểm soát sự tập trung vốn trên thị trường.

(v) Việc thực hiện pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ chịu sự chi phối của các yếu tố: Định hướng của Nhà nước đối với sự phát triển của thị trường bảo hiểm liên kết đầu tư; Yếu tố pháp luật; Khả năng chấp hành pháp luật; Khả năng giám sát của cơ quan quản lý nhà nước; Khả năng áp dụng pháp luật của cơ quan tài phán.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

2.1.1. Quy định của pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

2.1.1.1. Trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm

Pháp luật quy định trách nhiệm cung cấp thông tin về hợp đồng BHLKĐT của DNBH phải tuân thủ các yêu cầu sau:

Thứ nhất, trước khi giao kết HĐBH, DNBH cung cấp cho BMBH giới thiệu cho khách hàng về sản phẩm BHLKĐT. Thông tin trong tài liệu giới thiệu sản phẩm phải chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực và phải phù hợp với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đã được Bộ Tài chính phê chuẩn. Ngoài các quy định chung trong bảo hiểm nhân thọ, tài liệu giới thiệu sản phẩm BHLKĐT phải có những thông tin tối thiểu sau đây:¹

- Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của quỹ liên kết chung;
- Tỷ lệ và mức tối đa của phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng, phí quản lý quỹ liên kết chung, phí hủy bỏ hợp đồng và các Khoản phí khác;
- Lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết với bên mua bảo hiểm đối với phần phí bảo hiểm được phân bổ để đầu tư vào quỹ liên kết chung;
- Cơ sở và định kỳ xác định quyền lợi đầu tư của hợp đồng bảo hiểm từ quỹ liên kết chung;
- Thông tin rõ ràng cho bên mua bảo hiểm biết việc giao kết hợp đồng bảo hiểm liên kết chung là một cam kết dài hạn và bên mua bảo hiểm không nên hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm vì các khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.

¹ Điều 11, Thông tư 56/2016/TT-BTC.

Thứ hai, DNBH cung cấp cho bên mua bảo hiểm bản yêu cầu bảo hiểm, bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm; Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Những quy định này nhằm giúp cho BMBH nhận thức được các rủi ro liên quan khi giao kết hợp đồng BHLKĐT.

Thứ ba, quy tắc, điều khoản, biểu phí do DNBH xây dựng phải bảo đảm tuân thủ pháp luật; phù hợp với thông lệ, chuẩn mực đạo đức, văn hóa và phong tục, tập quán của Việt Nam;

Thứ tư, trách nhiệm cung cấp thông tin của DN kinh doanh bảo hiểm BHLKĐT phải cập nhật trong suốt thời gian BMBH sử dụng bảo hiểm.

2.1.1.2. Trách nhiệm cung cấp thông tin hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của bên mua bảo hiểm

BMBH có quyền lựa chọn tham gia hoặc không tham gia bảo hiểm, có quyền yêu cầu DNBH cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến bảo hiểm. Tuy nhiên, BMBH cũng phải có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho DNBH. Theo đó, khoản 2 Điều 21 Luật KDBH năm 2022 quy định BMBH phải có các nghĩa vụ:

Thứ nhất, trước khi ký kết HĐBH, BMBH phải kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của DNBH.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện hợp đồng, BMBH phải thông báo cho DNBH những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc giảm rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của DNBH trong quá trình thực hiện HĐBH theo thỏa thuận trong HĐBH; Thông báo cho DNBH về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH.

2.1.2. Quy định của pháp luật về phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Để tránh trường hợp các DNBH thu thêm những khoản phí không cần thiết, pháp luật quy định DNBH chỉ được phép tính các loại phí được quy định dưới đây:

- Phí ban đầu là toàn bộ các khoản tiền mà DNBH được phép khấu trừ trước khi phí bảo hiểm được phân bổ vào quỹ liên kết chung.

- Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

- Phí quản lý HĐBH là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.

- Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý quỹ liên kết chung. Trong mọi trường hợp, tỷ suất đầu tư thanh toán cho bên mua bảo hiểm không thấp hơn tỷ suất đầu tư tối thiểu đã cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

- Phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm là khoản phí tính cho khách hàng khi hủy bỏ hợp đồng trước ngày đáo hạn để bù đắp các Khoản chi hợp lý có liên quan và các loại phí khác (nếu có) phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2.1.3. Quy định của pháp luật về đại lý bảo hiểm tư vấn hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Các cá nhân và tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm triển khai sản phẩm BHLKĐT phải đáp ứng các điều kiện gồm:

- Đối với cá nhân: là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phù hợp theo quy định của Luật KDBH.

- Đối với tổ chức: Tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với các tổ chức hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận khác (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm; Nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động ĐLBH phải có đủ các điều kiện như quy định đối với cá nhân hoạt động ĐLBH.

2.1.4. Quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Để bảo đảm quyền lợi cho những người tham gia bảo hiểm và để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng về hoạt động BHLKĐT, pháp luật KDBH quy định cụ thể về việc thành lập và hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ:

- Đối với bảo hiểm liên kết đầu tư chung, DNBH phải thành lập một quỹ liên kết chung cho tất cả các HĐBH liên kết chung của doanh nghiệp. Quỹ liên kết chung phải được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của doanh nghiệp. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm tổng giá trị của quỹ liên kết chung luôn không thấp hơn 50 tỷ đồng.

- Đối với bảo hiểm liên kết đầu tư đơn vị, DNBH phải thành lập tối thiểu hai (02) quỹ liên kết đơn vị có mục tiêu đầu tư khác nhau dành cho mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. DNBH phải bảo đảm các tài sản hình thành từ các quỹ liên kết đơn vị phải được tách và quản lý riêng khỏi quỹ chủ sở hữu, các quỹ chủ hợp đồng khác và giữa các quỹ liên kết đơn vị của DNBH. Sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phải bảo đảm tổng giá trị của các quỹ liên kết đơn vị luôn không thấp hơn một trăm (100) tỷ đồng Việt Nam.

2.1.5. Quy định của pháp luật về vai trò của ngân hàng trong việc thực hiện giám sát hoạt động của quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Sự giám sát của Ngân hàng đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm tính an toàn, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của DNBH và BMBH trong BHLKĐT. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.² Phạm vi giám sát quỹ của ngân hàng giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát theo quy định của pháp luật. Trong việc giám sát hoạt động quỹ liên kết đơn vị, ngân hàng giám sát thực hiện các chức năng chủ yếu được quy định tại khoản 2 Điều 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

2.1.6. Quy định của pháp luật về vai trò của công ty quản lý quỹ thực hiện quản lý quỹ liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

² Khoản 1 Điều 116 Luật Chứng khoán năm 2019

Công ty quản lý quỹ là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật chứng khoán để thực hiện các nghiệp vụ như quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Có thể hiểu công ty quản lý quỹ là một loại hình doanh nghiệp trung gian tài chính và chuyên thành lập và quản lý các quỹ đầu tư, phục vụ nhu cầu đầu tư trung gian và dài hạn của công chúng. Đối với BHLKĐT, công ty quản lý quỹ là đối tác được các DNBH thuê để thực hiện dịch vụ quản lý các quỹ liên kết hình thành từ nguồn phí bảo hiểm do BMBH lựa chọn một phần để tham gia đầu tư đặc biệt là đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Trong việc quản lý các quỹ liên kết đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với DNBH, công ty quản lý quỹ có thể thực hiện và cần đảm bảo các công việc mà pháp luật quy định.

2.1.7. Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Đánh giá một cách khách quan thì pháp luật về BHLKĐT của DN kinh doanh bảo hiểm trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định là: (i) Tạo được khung pháp lý điều chỉnh hoạt động về BHLKĐT tương đối rõ, thể hiện nhiều quan điểm phù hợp với thông lệ quốc tế; (ii) Tạo ra được khung pháp lý ổn định cho các DN bảo hiểm nhân thọ phát huy được các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm BHLKĐT, góp phần tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm mới vừa bảo vệ tài chính vừa thỏa mãn mong muốn đầu tư; (iii) Tạo nên thị trường BHLKĐT minh bạch, rõ ràng về thông tin.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, hệ thống pháp luật về BHLKĐT của DN kinh doanh bảo hiểm tồn tại một hạn chế như sau:

** Pháp luật chưa quy định rõ hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm*

Việc nghiên cứu cho thấy rất dễ nhầm lẫn giữa hành vi cố ý “cung cấp thông tin sai sự thật” và “hành vi lừa dối” khi giao kết HĐBH. Trong lúc hậu quả pháp lý của chúng là khác nhau trường hợp có tranh chấp, Tòa án thường sẽ giải thích theo hướng có lợi cho BMBH theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, không phải BMBH bảo hiểm nào cũng đủ hiểu biết về khả năng và kiến thức pháp luật để theo các vụ khởi kiện tranh chấp dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, thông thường

khi có tranh chấp DNBH sẽ xác định hành vi này là “cố ý cung cấp thông tin sai sự thật” để quyết định đình chỉ thực hiện HĐBH và thu được khoản phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện HĐBH. Vì vậy, cần thiết phải có quy định, hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

** Pháp luật không quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH là rất thiết thời cho BMBH*

Trong thời gian tham gia BHLKĐT có thể dẫn tới tình trạng BMBH tử vong và không tiếp tục đóng phí bảo hiểm hoặc bên mua bảo hiểm vì lý do tai nạn, sức khỏe hoặc thậm chí không có khả năng tài chính để tiếp tục đóng phí bảo hiểm. Trong các trường hợp đó, phía bên mua bảo hiểm có thể sẽ đối mặt với tình huống rủi ro nhất là không được nhận lại khoản phí bảo hiểm đã đóng cho doanh nghiệp. Nhưng pháp luật không quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH là rất thiết thời cho BMBH.

** Pháp luật chưa quy định thật sự rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của ngân hàng giám sát đối với việc phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị*

Việc pháp luật không quy định về vai trò và trách nhiệm của ngân hàng giám sát đối với việc phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị đã gây ra những khó khăn nhất định trong việc xác định trách nhiệm của ngân hàng giám sát khi thực hiện các nhiệm vụ này cũng như giải quyết tranh chấp phát sinh xảy ra. Vì vậy, đây là một thiếu sót trong quy định của pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

** Pháp luật chưa quy định nguyên tắc đầu tư để hạn chế rủi ro đối với công ty quản lý quỹ đầu tư*

Tại Việt Nam, khi mà lãi suất tiền gửi đang có xu hướng giảm, các kênh đầu tư khác trên thị trường chứng khoán mang lại thu nhập không ổn định thì việc người dân hay các nhà đầu tư đang dần chuyển qua đầu tư sản phẩm BHLKĐT. Tuy nhiên, không phải khi nào việc đầu tư cũng mang lại hiệu quả như mong đợi. Nhưng pháp luật chưa quy định những nguyên tắc đầu tư để hạn chế rủi ro đối với công ty quản lý đầu tư là một thiếu sót.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

2.2.1. Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

2.2.1.1. Những kết quả đạt được

- Với những số liệu được thể hiện trong luận văn cho thấy thị trường bảo hiểm nhân thọ nói chung và BHLKĐT nói riêng có sức phát triển và tăng trưởng tốt, đặc biệt là BHLKĐT vì nghiệp vụ bảo hiểm này chiếm 85% phí bảo hiểm nhân thọ và chiếm 54,3% tỷ trọng hợp đồng khai thác nghiệp vụ năm 2022.

- Các DN kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trong đó có BHLKĐT) chiếm một số lượng tương đối lớn, cụ thể là đứng thứ 3 trong số các DN kinh doanh bảo hiểm (31 DNBH phi nhân thọ, 1 chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài; doanh nghiệp tái bảo hiểm, 26 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm). Đánh giá một cách khách quan, với tiềm lực bảo hiểm đang trên đà phát triển của thị trường bảo hiểm, nhất là BHLKĐT thì số DN kinh doanh bảo hiểm nhân thọ này còn có thể gia tăng trong thời gian tới. Như vậy, mới đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

2.2.1.2. Những hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, tình hình thực hiện pháp luật pháp luật về BHLKĐT của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có những hạn chế nhất định. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, vẫn tồn tại tình trạng vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin

Thứ hai, vi phạm về nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm

Thứ ba, tỷ lệ người dân tham gia BHLKĐT chưa cao do thiếu niềm tin với DNBH.

2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc, bất cập pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

- Do ý thức của BMBH

Bên cạnh mục đích đầu tư, thì việc bên mua BHLKĐT hướng tới là để bảo vệ quyền lợi cho mình khi có rủi ro xảy ra. Tuy nhiên, BMBH lại không có ý thức bảo vệ quyền lợi cho mình khi giao kết hợp đồng mà phó mặc cho nhân viên bảo hiểm, chỉ

đến khi quyền lợi của mình không được bảo đảm, BMBH mới xem xét HĐBH đã ký kết.

Bên cạnh đó, có những trường hợp khách hàng chưa hiểu kỹ điều khoản trong hợp đồng nhưng đã vội ký vào HĐBH. Đến khi phát sinh sự kiện bảo hiểm mới biết được không được công ty bảo hiểm bồi thường do không thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, dưới một góc độ nào đó, ý thức của BMBH là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tranh chấp phát sinh từ HĐBH.

2.2.2.1. Do ý thức bên bán bảo hiểm

- DN kinh doanh bảo hiểm

Hiện nay nhiều công ty bảo hiểm chưa thực hiện tốt việc báo cáo thông tin, kết quả kinh doanh hàng năm cho khách hàng.

- Nhân viên tư vấn bảo hiểm

Nhân viên tư vấn không thực hiện đúng nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình nên dẫn đến phát sinh tranh chấp với BMBH về HĐBH.

- Sự hạn chế về thanh tra, kiểm tra của cơ quan hữu quan

Quy định về thẩm quyền giám sát, quản lý nhà nước đối với lĩnh vực bảo hiểm nói chung và BHLKĐT nói riêng còn có những hạn chế nhất định, cụ thể:

- Một là, việc phân định trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay còn chưa rõ ràng và có nhiều bất cập.

- Hai là, việc chia cắt theo từng lĩnh vực trong giám sát thị trường tài chính đã làm cho hoạt động giám sát trở nên kém hiệu quả.

Kết luận chương 2

Từ việc nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm nhân thọ có thể rút ra những kết luận sau:

(i) Về cơ bản pháp luật về BHLKĐT của DN kinh doanh bảo hiểm trong thời gian qua đã tạo được khung pháp lý điều chỉnh hoạt động về BHLKĐT tương đối rõ, thể hiện nhiều quan điểm phù hợp với thông lệ quốc tế; Tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm mới vừa bảo vệ tài chính vừa thỏa mãn mong muốn đầu tư; Tạo nên thị trường BHLKĐT minh bạch, rõ ràng về thông tin. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm pháp luật về BHLKĐT của DN kinh doanh bảo hiểm tồn tại một hạn chế như sau: Pháp luật chưa quy định rõ hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; Pháp luật không quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH là rất thiệt thòi cho BMBH;...

(ii) Về thực tiễn thực hiện pháp luật, bên cạnh những ưu điểm như BHLKĐT là nghiệp vụ bảo hiểm dẫn đầu về thị trường bảo hiểm và thu hút được nhiều khách hàng tham gia, thì còn có những hạn chế nhất định như: Vẫn tồn tại tình trạng vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin; vi phạm về nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm và tỷ lệ người dân tham gia BHLKĐT chưa cao so với tiềm lực thực tế do thiếu niềm tin với DNBH.

(iii) Nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc, bất cập về thực hiện pháp luật BHLKĐT của DN kinh doanh bảo hiểm trong thời gian qua là do ý thức của BMBH (BMBH lại không có ý thức bảo vệ quyền lợi cho mình khi giao kết hợp đồng mà phó mặc cho nhân viên bảo hiểm, chỉ đến khi quyền lợi của mình không được bảo đảm); Do nhiều công ty bảo hiểm chưa thực hiện tốt việc báo cáo thông tin, kết quả kinh doanh hàng năm cho khách hàng và nhân viên ngân hàng bỗng trở thành người bán bảo hiểm nhưng vẫn chưa nắm hết sản phẩm và các quy định về BHNT; Bên cạnh đó còn do sự hạn chế về thanh tra, kiểm tra của cơ quan hữu quan.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

- Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư phải dựa trên chủ trương của Đảng về phát triển thị trường bảo hiểm và đảm bảo nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm

- Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải dựa trên đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” của Chính Phủ về thị trường bảo hiểm đến năm 2030

- Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải dựa trên các cam kết quốc tế về phát triển thị trường bảo hiểm

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

** Pháp luật cần quy định rõ hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm*

Cần thiết phải có quy định, hướng dẫn cụ thể hoặc bổ sung nội dung giải thích thế nào là hành vi “cố ý cung cấp thông tin không đúng sự thật” và “lừa dối khi giao kết hợp đồng” để bảo vệ quyền là lợi ích của các bên liên quan khi tham gia giao kết HĐBH. Nội dung này có thể quy định thành một điều luật trong Nghị định hướng thi hành Luật KDBH năm 2022 (hiện nay đã có Dự thảo hướng dẫn thi hành Luật KDBH năm 2022), nhưng không đề cập tới vấn đề này.

** Bổ sung Điều 6 Thông tư 52/2016/BTC theo hướng cần quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH*

** Pháp luật cần bổ sung quy định ngân hàng giám sát trách nhiệm phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị của DNBH (bổ sung khoản 2 Điều 116 Luật Chứng khoán năm 2019)*

Đề nâng cao trách nhiệm của ngân hàng giám sát, khoản 2 Điều 116 quy định về nghĩa vụ của ngân hàng giám sát cần bổ sung quy định ngân hàng giám sát trách nhiệm phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị của DNBH.

** Điều 10 Thông tư 99/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán cần bổ sung quy định về nguyên tắc đầu tư đối với công ty quản lý quỹ để hạn chế rủi ro trong quá trình đầu tư*

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư của doanh nghiệp trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

** Về phía cơ quan quản lý*

Các cơ quan hữu quan cần bám sát tình hình hoạt động của DNBH, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ DNBH trong quá trình hoạt động, nhưng vẫn đảm bảo quyền tự chủ về hoạt động kinh doanh của DNBH; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để có những khuyến nghị, cảnh báo kịp thời cho các DNBH.

** Về phía BMBH*

- Khách hàng cần được tuyên truyền để hiểu rõ giá trị của BHLKĐT, trên cơ sở đó căn cứ vào điều kiện tài chính, nhu cầu của bản thân và gia đình mà lựa chọn cho mình loại sản phẩm BHLKĐT phù hợp, tránh được nhiều rủi ro và đem lại quyền lợi bảo hiểm tối đa cho bản thân và gia đình trong tương lai.

- Cần cẩn trọng khi lựa chọn các quỹ đầu tư vì thông thường DNBH sẽ đưa ra các quỹ đầu tư khác nhau với mức độ rủi ro cũng sẽ khác nhau, do vậy cân đối quyền lợi bảo vệ và quyền lợi đầu tư để có phương án tham gia phù hợp.

** Về phía các DNBH*

Các DNBH cần tự rà soát, điều chỉnh các quy trình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực tài chính và chất lượng phục vụ, phát triển sản phẩm theo hướng linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHLKĐT của DN trong kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, Luận văn đã tiến hành đề xuất định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về BHLKĐT của DNBH như sau:

(i) Về định hướng tập trung vào các định hướng sau: Hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm liên kết đầu tư phải dựa trên chủ trương của Đảng về phát triển thị trường bảo hiểm và đảm bảo nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm; phải dựa trên đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” của Chính Phủ về thị trường bảo hiểm đến năm 2030 và phải dựa trên các cam kết quốc tế về phát triển thị trường bảo hiểm

(ii) Về giải pháp pháp hoàn thiện pháp luật tập trung vào các giải pháp là: Pháp luật cần quy định rõ hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH; bổ sung quy định ngân hàng giám sát trách nhiệm phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị của DNBH; bổ sung quy định về nguyên tắc đầu tư đối với công ty quản lý quỹ để hạn chế rủi ro trong quá trình đầu tư.

Về giải pháp pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về BHLKĐT của DNBH tập trung vào các giải pháp: Về phía cơ quan quản lý tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để có những khuyến nghị, cảnh báo kịp thời; Về phía người mua bảo hiểm cần cẩn trọng khi lựa chọn các quỹ đầu tư; Về phía các DNBH cần tự rà soát, điều chỉnh các quy trình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động,...

KẾT LUẬN

BHLKĐT là nghiệp vụ bảo hiểm thuộc bảo hiểm nhân thọ hội tụ đủ ba yếu tố quan trọng trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân đó là bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư. Hiện nay, hầu hết các DN kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đều thiết kế và chào bán sản phẩm này trên thị trường và đây cũng chính là xu hướng tất yếu của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam và sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Vì vậy, việc nghiên cứu pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm để đề xuất các giải pháp góp phần thúc đẩy nghiệp vụ bảo hiểm này phát triển là rất cần thiết cho sự phát triển của nền kinh tế. Việc nghiên cứu đã đạt được các kết quả sau:

(i) Ở chương 1 luận văn tập trung giải quyết các vấn đề lý luận về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm như: Xây dựng khái niệm về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm; làm rõ đặc điểm, vai trò và nghiệp vụ của BHLKĐT; Các yếu tố chi phối thực hiện pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm.

(ii) Chương 2 của luận văn tập trung phân tích các ưu điểm, hạn chế về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm.

Pháp luật về BHLKĐT của các DN kinh doanh bảo hiểm bên cạnh các ưu điểm là tạo nên thị trường BHLKĐT minh bạch, rõ ràng về thông tin, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm mới vừa bảo vệ tài chính vừa thỏa mãn mong muốn đầu tư vẫn tồn tại các nhược điểm như: Pháp luật chưa quy định thật sự rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của ngân hàng giám sát đối với việc phối hợp định kỳ rà soát tài sản ròng, định giá quỹ liên kết đơn vị, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị; Pháp chưa quy định nguyên tắc đầu tư để hạn chế rủi ro đối với công ty quản lý quỹ đầu tư, v.v.

Về thực tiễn thực hiện pháp luật, bên cạnh những ưu điểm như BHLKĐT đang thu hút được nhiều khách hàng tham gia, thì còn có những hạn chế nhất định như: Vẫn tồn tại tình trạng vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin; vi phạm về nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm và tỷ lệ người dân tham gia BHLKĐT chưa cao so với tiềm lực thực tế do thiếu niềm tin với DNBH.

(iii) Chương 3 luận văn tập trung nghiên cứu các định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật. Trong đó các giải pháp pháp hoàn thiện pháp luật bao gồm: Pháp luật cần quy định rõ hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; quy định cho phép BMBH được miễn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH, v.v.

Các giải pháp pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về BHLKĐT của DNBH tập trung vào các giải pháp: Về phía cơ quan quản lý; Về phía các DNBH và về phía BMBH.